

DOCAT

MỖI TUẦN MỘT ĐỀ TÀI - TUẦN 84

NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA GIÁO HUẤN

XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO LÀ GÌ?



Như chúng ta đã chia sẻ trong những phần trước, con người là một hữu thể có tính xã hội. Tự bản chất, con người cần đến nhau. Chúng ta lưu ý thấy có những con vật vừa sinh ra là có thể tự mình kiếm ăn, hoặc sống tự lập. Còn con người thì mất nhiều năm để khẳng định mình có thể tự lập [theo pháp lý phải mất 18 năm]. Nhưng trong đời sống thường ngày, chúng ta nhận ra rằng: từ khi sinh ra cho đến khi nhắm mắt xuôi tay, chúng ta cần đến anh chị em mình. Nỗi sợ lớn nhất trong đời người là sự cô đơn. Con người luôn cần đến nhau để phát triển chính mình, để khẳng định mình là một hữu thể liên vị. Giáo huấn của Giáo hội khẳng định đến “nhu cầu xã hội” của con người như sau: “Con người cần đến đời sống xã hội. Đời sống này không phải là một cái gì được thêm vào nhưng là một đòi hỏi của bản tính con người. Nhờ trao đổi với người khác, nhờ phục vụ lẫn nhau và nhờ đối thoại với anh em, con người phát triển các tiềm năng; nhờ đó họ đáp lại ơn gọi của mình.”¹ Những lời này chỉ cho thấy đời sống xã hội là đòi hỏi của bản tính con người, là cái làm cho con người “là người.” Nhưng đời sống xã hội là gì mà quan trọng như thế đối với con người? Chúng ta tìm thấy những lời sau trong Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo:

Xã hội là tập thể những người sống liên kết với nhau cách hữu cơ theo một nguyên lý hợp nhất, vượt lên trên từng cá nhân. Là một cộng đồng vừa hữu hình, vừa thiêng liêng, xã hội tồn tại mãi: tiếp nhận di sản và chuẩn bị tương lai. Nhờ xã hội, mỗi người trở thành “người thừa tự,” lãnh nhận các “nén bạc” để làm giàu căn tính mình và phát triển các “nén bạc” ấy (x. Lc 19:13,15). Mỗi người phải đóng góp cho các cộng đồng mà mình là thành viên, và phải tôn trọng các người cầm quyền có trách nhiệm mưu cầu công ích.²

Giáo Hội chỉ ra rằng xã hội được thiết lập bởi những cá nhân liên kết với nhau dựa trên một nguyên lý hợp nhất hầu bảo vệ nhân phẩm của các thành viên. Giáo huấn Công giáo về xã hội có bốn nguyên tắc:

- Nguyên tắc về nhân phẩm (phẩm giá của con người)
- Nguyên tắc về công ích (lợi ích chung)
- Nguyên tắc hỗ trợ (trợ giúp thêm chứ không làm thay)
- Nguyên tắc liên đới

Trong học thuyết xã hội công giáo, bốn nguyên tắc này chiếm vị trí trọng tâm vì chúng không chỉ được lý trí con người khám phá mà còn được soi chiếu bởi ánh sáng mạc khải. Chúng ta đọc thấy lời khẳng định này trong giáo huấn của Giáo Hội như sau:

¹ x. Vatican II, Hiến Chế *Gaudium et Spes*, số 25. Trích trong *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 1879.

² *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 1880.

Những nguyên tắc trường tồn của Học thuyết Xã hội Công giáo chính là trọng tâm của giáo huấn xã hội Công giáo. Đó là những nguyên tắc: phẩm giá con người, đã được đề cập trong chương trước, đây là nền tảng của tất cả các nguyên tắc khác đồng thời là nội dung của Học thuyết Xã hội Công giáo; công ích; hỗ trợ; và liên đới. Những nguyên tắc này, diễn tả toàn bộ sự thật về con người theo sự nhận biết của lý trí và đức tin, được khai sinh từ “cuộc gặp gỡ giữa thông điệp Tin Mừng và những đòi hỏi của Tin Mừng được tóm tắt trong giới răn tối thượng về lòng mến Chúa và yêu người trong công lý, với những vấn đề phát sinh từ đời sống xã hội.” Trải qua dòng lịch sử và được soi sáng bởi Chúa Thánh Thần, Giáo Hội đã khôn ngoan suy tư ngay từ trong khuôn khổ truyền thống đức tin của mình, để có thể cung cấp một nền tảng và một hình thù chính xác hơn cho những nguyên tắc ấy, lần lượt giải thích những nguyên tắc ấy để đáp ứng kịp thời những yêu cầu của thời đại và những sự phát triển liên tục của đời sống xã hội.³

Bốn nguyên tắc trên là những nguyên tắc trường tồn vì chúng có nền tảng trong bản tính xã hội của con người. Vì lý do này mà bốn nguyên tắc này mang tính phổ quát và căn bản cho mọi hoạt động xã hội của con người. Bốn nguyên tắc này chi phối toàn bộ các quan hệ xã hội của con người. Khi tuân thủ những nguyên tắc này, đời sống xã hội sẽ được vững chắc. Giáo huấn của Giáo Hội chỉ ra rằng:

Đây là những nguyên tắc mang tính tổng quát và căn bản vì chúng liên quan tới xã hội trong toàn bộ thực tại của nó: liên quan đến các mối quan hệ, từ những quan hệ gần gũi và trực tiếp tới những quan hệ bị chi phối bởi chính trị, kinh tế và luật pháp hay những quan hệ giữa các cộng đồng và các tập thể, hoặc những quan hệ giữa các dân tộc và quốc gia. Chính vì những tương quan này luôn tồn tại trong thời gian và mang ý nghĩa phổ quát, nên chúng được Giáo Hội giới thiệu như những thông số đầu tiên và căn bản để mọi người phải tham khảo hầu giải thích và đánh giá các hiện tượng xã hội, mà đây chính là nguồn cần thiết để rút ra những tiêu chuẩn giúp phân biệt và định hướng cho những sự tương tác trong xã hội thuộc mọi lĩnh vực.⁴

Một cách cụ thể trong đời sống con người, bốn nguyên tắc trên nhằm mục đích gì? Trong câu trả lời của DOCAT, chúng ta đọc thấy những lời sau:

Với bốn nguyên tắc trên chúng ta có thể hiểu xã hội loài người trong tính toàn thể, và cần nhắc hiện thực này một cách đúng đắn. Tại sao những nguyên tắc này nên được áp dụng? Trước tiên, vì chúng do lý trí suy diễn ra; kế đó, vì lý trí này được đức tin Kitô giáo soi sáng. Người có niềm tin đều muốn tuân theo mệnh lệnh của Thiên Chúa, đặc biệt là Điều răn cao trọng nhất: Yêu thương Thiên Chúa và tha nhân. Ngày nay, các Kitô hữu đối diện với đủ loại vấn đề xã hội khác nhau. Với sự hỗ trợ của bốn nguyên tắc giáo huấn xã hội Công giáo, dù gặp vấn đề nào trong mối liên hệ cá nhân hay tập thể, hoặc quốc gia, chúng ta vẫn có thể khẳng định điều gì thật sự nhân đạo, đúng đắn, có lợi cho xã hội.

Câu trả lời của DOCAT chỉ rõ với bốn nguyên tắc trên, chúng ta có thể hiểu được xã hội loài người trong tính toàn diện của nó. Đồng thời, cũng với bốn nguyên tắc này mà chúng

³ *Toát Yếu về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo*, số 160.

⁴ *Toát Yếu về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo*, số 161.



ta biết được tình trạng của xã hội loài người. Bên cạnh đó, DOCAT cũng nêu ra lý do tại sao chúng ta cần áp dụng bốn nguyên tắc này vào trong thực tại xã hội loài người. Như đã trình bày ở trên là vì lý trí con người nhận ra và đòi buộc con người phải áp dụng bốn nguyên tắc này hầu duy trì tính đúng đắn của xã hội con người. Đối với người Kitô hữu, bên cạnh việc lý trí thuần túy nhận ra bốn nguyên tắc này, mặc khải cũng khẳng định giá trị của bốn nguyên tắc này vì chúng giúp con người tuân theo mệnh lệnh của Thiên Chúa, đặc biệt là Điều răn mến Chúa và yêu người. Như vậy, đối với người Kitô hữu, bốn nguyên tắc này có vị trí quan trọng chi phối các mối tương quan xã

hội.

Cuối cùng, sống trong thời hậu hiện đại hôm nay, người Kitô hữu đang phải đối diện với nhiều vấn đề xã hội khác nhau. Nhưng với sự hỗ trợ của bốn nguyên tắc giáo huấn xã hội công giáo, người Kitô hữu có thể phân định những gì thật sự nhân đạo, đúng đắn và có lợi ích cho xã hội. Như chúng ta biết, mỗi nhóm [hội đoàn, hoặc cộng đồng] được định nghĩa theo mục đích của nó. Để đạt đến mục đích riêng của mình, mọi thành viên phải tuân giữ những quy định đặc thù được đưa ra. Tuy nhiên, nguyên tắc nền tảng cho mọi quy định là nhân vị hay phẩm giá con người. Giáo Huấn của Giáo Hội dạy rằng: “Mỗi cộng đồng được định nghĩa theo mục đích của nó; do đó, phải tuân theo những quy tắc đặc thù, nhưng “nhân vị con người chính là và phải là nguyên lý, chuẩn mực và cứu cánh của mọi định chế xã hội” (x. GS 25,1).⁵

Thời đại hôm nay đang chứng kiến hiện tượng “xã hội hoá” hay còn gọi là “toàn cầu hoá.” Hiện tượng này thúc đẩy con người hợp tác với nhau, mang con người lại gần nhau hơn. Giáo Hội luôn khuyến khích điều này, nhưng phải tuân theo những nguyên tắc cần thiết để tôn trọng và bảo vệ phẩm giá con người. Chúng ta đọc thấy những lời sau trong giáo huấn của Giáo Hội:

“Có những mối liên hệ xã hội đáp ứng trực tiếp được bao nhiêu sâu xa của con người, đó là gia đình và nhà nước” (x. GS 25,2). Chúng cần thiết cho con người. Để đa số có thể tham gia đời sống xã hội, nên khuyến khích thành lập các hiệp hội và những tổ chức “nhằm các mục đích kinh tế, văn hóa, xã hội, thể thao, giáo dục, nghề nghiệp, chính trị...trên bình diện quốc gia cũng như quốc tế” (x. MM: Thông điệp Mẹ và Thầy, 60). Công cuộc “xã hội hóa” này đặt nền tảng trên xu hướng tự nhiên thúc đẩy con người hợp tác với nhau, để đạt tới những mục tiêu vượt quá khả năng của từng người. Công cuộc này giúp phát triển các đức tính của con người, nhất là óc sáng kiến và tinh thần trách nhiệm, cũng như giúp bảo đảm các quyền của con người (x. GS 25; CA 12).⁶

Thật vậy, mỗi công cuộc xã hội hoá luôn kèm theo những nguy hiểm náo đó, nhất là khi nhà nước can thiệp vào đời sống xã hội của cá nhân đến nỗi lấy đi sự tự do và sáng kiến của mỗi cá nhân. Trong trường hợp đó, Giáo hội bảo vệ sự tự do và sáng tạo của mỗi cá nhân qua việc nêu ra nguyên tắc hỗ trợ: “một tập thể cấp cao không được can thiệp vào

⁵ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1881.

⁶ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1882.

nội bộ tập thể cấp thấp đến độ tước mất các thẩm quyền của nó, nhưng đúng hơn phải nâng đỡ nó khi cần thiết, và giúp nó phối hợp hoạt động với những tập thể khác, để mưu cầu công ích” (x. CA 48; Đức Pi-ô XI).